

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN NGUYỄN ANH THU'

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
NGẮN HẠN BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG -CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

**TÓM TẮT LUẬN VĂN
THẠC SỸ TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

Đà Nẵng - Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 1: PGS.TS. Lâm Chí Dũng

Phản biện 2: TS. Võ Duy Khương

Luận văn đã được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 4 năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động cho vay bảo đảm không bằng tài sản đang là một vấn đề khá nhức nhối tại các Ngân hàng thương mại, bởi tài sản bảo đảm mặc dù chỉ là nguồn thu nợ dự phòng nhưng do công tác giám sát tín dụng chưa thực sự hiệu quả nên khi ngân hàng cho vay bảo đảm không bằng tài sản, tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra tương đối nặng nề.

Tại Ngân Hàng TMCP Công Thương CN Đà Nẵng, tỷ lệ cho vay bảo đảm không bằng tài sản chiếm tỷ trọng tương đối trong tổng dư nợ cho vay ngắn hạn doanh nghiệp. Tuy nhiên thực tế cho thấy, công tác kiểm soát rủi ro tín dụng đối với các doanh nghiệp vay vốn bảo đảm không bằng tài sản còn tồn tại một số vấn đề. Chính vì vậy, tôi đã chọn đề tài *“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương -Chi nhánh Đà Nẵng”* làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM.

- Tìm hiểu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh.

3. Câu hỏi nghiên cứu: Từ mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của NHTM bao hàm những nội dung gì?

Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm

không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng đang được thực hiện thế nào?

Vietinbank Đà Nẵng cần làm gì để hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Những vấn đề lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM và thực tiễn công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng .

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ Về nội dung: chỉ nghiên cứu về nội dung *kiểm soát rủi ro tín dụng*, không bao hàm toàn bộ hoạt động quản trị rủi ro tín dụng, và giới hạn trong hình thức cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp.

+ Về không gian: Tại Vietinbank Đà Nẵng.

+ Về thời gian: dữ liệu trong 03 năm, từ năm 2013 đến năm 2015

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu: thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp và các phương pháp khác, đi từ cơ sở lý luận đến thực tiễn nhằm giải quyết và làm sáng tỏ mục tiêu nghiên cứu của luận văn.

6. Bố cục đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng.

7. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

8. Tổng quan đề tài nghiên cứu

Luận văn tham khảo dựa trên các tài liệu trước đây với mục đích kế thừa những thành tựu đạt được từ các nghiên cứu trước, cụ thể:

Đề tài 1: “Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Bắc Đà Nẵng” năm 2013 của tác giả Đào Thị Thanh Thủy.

Đề tài 2: “Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Hải Châu” năm 2013 của tác giả Trần Anh Thu.

Đề tài 3: “Giải pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng” năm 2012 của tác giả Lương Khắc Trung.

Đề tài 4: “Giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi Lăng – TP Đà Nẵng” năm 2012 của tác giả Hà Đức Hùng.

Đề tài 5: “Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Ngãi” năm 2007 của tác giả Nguyễn Hiệp.

Trên cơ sở các nghiên cứu đã được công nhận kết hợp với việc tham khảo các nguồn tài liệu quản trị rủi ro, bài giảng, giáo trình, tác giả đã cố gắng chọn lọc và phát triển ý tưởng nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại Vietinbank Đà Nẵng để góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN CỦA NHTM

1.1.1. Cho vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại

a. Hoạt động cho vay của NHTM

- Khái niệm cho vay
- Phân loại cho vay của NHTM

b. Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM

- Khái niệm cho vay ngắn hạn
- Đặc điểm của cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp

- Thời gian cho vay được xác định dựa trên chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng. NH thường cho vay khi KH phát sinh nhu cầu vốn để mua vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, hoặc trang trải các chi phí sản xuất. Khi hàng hoá được tiêu thụ, KH có doanh thu, cũng là lúc NH thu hồi nợ. Xuất phát từ đặc điểm này, các NH thường quy định thời hạn cho vay ngắn hạn trên cơ sở chu kỳ sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp vay vốn. Bên cạnh đó, tính khả thi, hiệu quả của phương án SXKD chính là cơ sở để NH đưa ra quyết định cho vay.

- Thời gian thu hồi vốn nhanh: cho vay ngắn hạn thường là để bù đắp những thiếu hụt tạm thời về vốn lưu động trong quá trình SXKD của doanh nghiệp, khoản thiếu hụt này sẽ sớm thu lại dưới hình thái tiền tệ, vì vậy thời gian thu hồi vốn nhanh.

- Rủi ro và lãi suất cho vay thấp: Do các khoản vay ngắn hạn chỉ cung cấp trong thời gian ngắn, ít chịu ảnh hưởng của sự biến động không thể lường trước của nền kinh tế như các khoản tín dụng trung dài

hạn nên rủi ro của khoản cho vay ngắn hạn thấp hơn, lãi suất áp dụng trong cho vay ngắn hạn cũng thấp hơn trong cho vay trung dài hạn.

- *Hình thức cho vay đa dạng và phong phú*: Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của KHDN, tăng cường khả năng cạnh tranh và phân tán rủi ro, các phương thức cho vay trong ngắn hạn đối với KHDN cũng rất đa dạng và phong phú, như: cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức, cho vay thấu chi, cho vay luân chuyển... Do đó, việc tổ chức quản lý khoản vay ngắn hạn của KHDN cũng khá phức tạp, đặc biệt là với các doanh nghiệp có quy mô lớn.

- *Bảo đảm nợ vay*: Nhu cầu vốn của KHDN thường rất lớn, trong khi khả năng đáp ứng về tài sản bảo đảm nợ vay của DN là có giới hạn. Vì vậy trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp, NH có thể xem xét cho vay bảo đảm bằng tài sản hoặc không bằng tài sản tùy thuộc vào mức độ uy tín và năng lực của KH vay vốn.

- **Vai trò của cho vay ngắn hạn doanh nghiệp**

1.1.2. Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn của NHTM

a. Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của NHTM

- **Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM**

- **Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của NHTM**

b. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM

Xuất phát từ các đặc điểm cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp mà rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp có những đặc điểm sau:

- Mục đích của cho vay ngắn hạn là để bù đắp những thiếu hụt tạm thời trong ngắn hạn, thời gian thu hồi vốn nhanh. Do thời gian hoàn vốn nhanh nên rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp thường không cao như các khoản vay trung dài hạn.

- Đối tượng KHDN là các đối tượng kinh doanh bài bản, có mục đích kinh doanh rõ ràng, thông tin tài chính được thể hiện cụ thể trong các BCTC nên NH có căn cứ rõ ràng để lựa chọn, sàng lọc KH, xác định mục đích cho vay cũng như thẩm định KH, thuận lợi cho công tác đánh giá rủi ro.

- Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp thường ít xảy ra hơn các loại hình cho vay khác, nhưng khi xảy ra thì tổn thất sẽ lớn do quy mô vốn vay lớn.

- Ngành nghề hoạt động của KHDN rất đa dạng, đa phần các CBTD không thể có đầy đủ thông tin cũng như hiểu biết và nắm bắt hết được đặc trưng ngành nghề lĩnh vực mà KH đang hoạt động, do đó việc thẩm định PAKD khó đánh giá chính xác được mức độ khả thi cũng như khả năng hoàn trả nợ vay. Bên cạnh đó, cho vay ngắn hạn có rất nhiều loại hình cho vay phong phú. Do đó rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp thường rất đa dạng và phức tạp.

- Thông thường, các khoản cho vay trung dài hạn là hoạt động cho vay để đầu tư mua sắm tài sản dài hạn, nên ít nhất luôn có tài sản cố định hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay. Trong khi đó, trong cho vay ngắn hạn, tài sản hình thành là hàng hóa, khoản phải thu là các khoản luân chuyển liên tục nên việc nhận các tài sản bảo đảm này rất khó quản lý. Chính vì vậy, trong cho vay ngắn hạn NH có thể cân nhắc cho vay bảo đảm bằng tài sản hoặc không bằng tài sản tùy thuộc vào việc đánh giá uy tín của KH cũng như tình hình sở hữu các tài sản có thể dùng để bảo đảm nợ vay của KH. Mức độ rủi ro trong mỗi trường hợp cũng có sự khác nhau do đó yêu cầu quản trị RRTD cũng khác nhau.

1.1.3. Quản trị rủi ro tín dụng của NHTM

1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

1.2.1. Quan niệm và mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng

a. Quan niệm kiểm soát rủi ro tín dụng

Kiểm soát RRTD là việc ngân hàng sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi RRTD bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ rủi ro và tổn thất trong giới hạn tự định. Hay nói một cách đơn giản, kiểm soát rủi ro tín dụng là những hoạt động nhằm hạn chế rủi ro ở mức có thể chấp nhận được trước khi rủi ro xảy ra, hoạt động này được thực hiện xuyên suốt trước, trong và sau khi cho vay.

b. Mục tiêu của kiểm soát rủi ro tín dụng

c. Yêu cầu của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp

Cho vay bảo đảm không bằng tài sản là hình thức cho vay dựa trên uy tín và năng lực tài chính của doanh nghiệp vay vốn. Ở loại hình cho vay này không có tài sản bảo đảm cho khoản vay, do đó trong quá trình cho vay không phải tiến hành đánh giá, thẩm định, theo dõi TSBĐ.

Ở Việt Nam, tình hình thông tin vẫn còn thiếu tính rõ ràng và minh bạch, NH khó đánh giá và kiểm chứng được tình hình tài chính và tính tin cậy của phương án kinh doanh của KH. Vì vậy, tài sản bảo đảm được xem như một công cụ để hạn chế sự bất đối xứng thông tin cũng như rủi ro đạo đức từ phía KH vay vốn. Trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, KH không bị ràng buộc trách nhiệm bởi TSBĐ do đó nỗ lực khi sử dụng vốn có thể vì thế mà giảm sút. Hơn nữa, khi KH không có khả năng trả nợ thì NH sẽ không đủ cơ sở pháp lý để thu hồi tiền cho vay. Chính vì vậy, ở loại hình cho vay bảo đảm không bằng tài sản,

những đòi hỏi của NH đề ra phải chặt chẽ hơn và NH cũng phải tuân thủ nhiều ràng buộc trong các quy định của pháp luật.

Để hạn rủi ro đạo đức từ phía khách hàng vay cũng như hạn chế sự bất đối xứng thông tin, trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, NH cần đặc biệt chú ý các vấn đề sau:

+ *Hạn chế sự bất đối xứng thông tin*: trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, để hạn chế rủi ro từ tình trạng bất đối xứng thông tin, các NH đòi hỏi các KH phải có tình hình tài chính minh bạch, thể hiện ở báo cáo tài chính được kiểm toán để có cơ sở tin cậy trong việc xác định năng lực tài chính của KH.

Bên cạnh đó, để đảm bảo nguồn thông tin khách quan nhằm đánh giá KH một cách chính xác, NH cũng chú trọng xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ chặt chẽ, tổng hợp được đầy đủ thông tin và đảm bảo tính khách quan trong việc đưa ra kết quả đánh giá và phân loại KH. Hệ thống thông tin tín dụng, xếp hạng tín dụng nội bộ được tổ chức tốt là một trong những biện pháp hết sức hữu hiệu để hạn chế các hậu quả của tình trạng bất đối xứng thông tin.

+ *Hạn chế rủi ro đạo đức từ phía KH vay*: “uy tín” của KH được xem như một điều kiện đặc biệt cần để xem xét cho vay. Trong trường hợp cho vay bảo đảm không bằng tài sản, NH đặc biệt chú trọng đến khâu thẩm định KH, đặc biệt là thẩm định về tư cách KH vay vốn. Chỉ có những KH nào được NH đánh giá là cực kỳ uy tín mới được xem xét cho vay bảo đảm không bằng tài sản.

Bên cạnh đó, kiểm soát dòng tiền từ phương án SXKD của KH cũng là một vấn đề cần đặc biệt được chú trọng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản. KH được xem xét cho vay bảo đảm không bằng tài sản đều là các doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, phương án SXKD hiệu quả, đủ khả năng tạo ra dòng tiền phù hợp tại thời điểm

thanh toán. Điều cần quan tâm ở đây là NH phải có công cụ nhằm kiểm soát được luồng tiền từ phương án SXKD của doanh nghiệp để có cơ sở chắc chắn thu hồi nợ. Theo dõi giám sát tốt dòng tiền của KH vừa đảm bảo khả năng thu nợ cho NH, đảm bảo KH sử dụng vốn đúng mục đích từ đó hạn chế rủi ro đạo đức, đồng thời NH cũng có cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của phương án SXKD của KH để có các biện pháp xử lý kịp thời.

1.2.2. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp của NHTM

Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay là tổng thể các biện pháp mà ngân hàng áp dụng nhằm kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng và giảm bớt mức độ tổn thất do hậu quả bất lợi do rủi ro tín dụng gây ra, bao gồm các nội dung sau:

- a. Né tránh rủi ro*
- b. Ngăn ngừa rủi ro*
- c. Giảm thiểu rủi ro*
- d. Chuyển giao rủi ro*
- e. Phân tán rủi ro*

1.2.3. Các tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp của NHTM

- a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu*
- b. Xu hướng biến động cơ cấu nhóm nợ*
- c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng*

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp của NHTM

- a. Nhân tố bên ngoài*
- b. Nhân tố bên trong*

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Bộ máy tổ chức

2.1.3. Khái quát kết quả hoạt động kinh doanh

a. Tình hình huy động vốn

b. Tình hình cho vay

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN DOANH NGHIỆP BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

2.2.1. Tình hình thị trường và đặc điểm khách hàng doanh nghiệp vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng

a. Tình hình thị trường

• **Bối cảnh thị trường:** Trên địa bàn thành phố chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm gần 97%). Các doanh nghiệp đủ điều kiện vay vốn bảo đảm không bằng tài sản tương đối ít và việc cho vay đối tượng KH này chịu sự cạnh tranh khá lớn từ phía các ngân hàng.

• **Các chủ trương, chính sách về cho vay bảo đảm không bằng tài sản:** từ cuối năm 2014, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp theo Chỉ thị 11 của Chính Phủ, bao gồm việc xây dựng hệ thống xếp hạng tín nhiệm để tăng cường khả năng cho vay không cần tài sản đảm bảo.

b. Đặc điểm khách hàng doanh nghiệp vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng

- Có uy tín cao, tổ chức kinh doanh bài bản, tình hình tài chính minh bạch, được đánh giá tốt. Thông thường là các DN lớn, trong đó doanh số cho vay đối với các DN có vốn đầu tư nhà nước chiếm 75,63%.

- Các DN chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực thương mại dịch vụ trong các ngành: dược phẩm, thiết bị y tế; các ngành công nghiệp: dệt may, hóa chất, hạt nhựa... trong đó lĩnh vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay.

- Số lượng DN vay vốn bảo đảm không bằng tài sản tại chi nhánh không nhiều, tuy nhiên đều là các DN có quy mô vay vốn lớn, nhu cầu vay thường xuyên nên chủ yếu vay theo phương thức hạn mức tín dụng.

- Các DN này thường có quan hệ tín dụng với nhiều hơn 1 NH và thường có sự so sánh giữa các NH nên công tác kiểm tra kiểm soát trước, trong và sau khi cho vay của CBTD cũng gặp nhiều khó khăn.

- Lãi suất cho vay đối với các KHDN vay vốn bảo đảm không bằng tài sản thường thấp hơn nhiều so với các KHDN thông thường.

2.2.2. Thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng

a. Thực hiện các biện pháp né tránh rủi ro

• Chính sách tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp

Điều kiện cấp tín dụng chi nhánh thực hiện theo quyết định 699/2013/QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 02/07/2013 của Vietinbank. Ngoài các điều kiện như trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN thông thường, việc cấp tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với KHDN còn phải tuân thủ một số điều kiện đặc thù: BCTC được kiểm

toán; kết quả SXKD có lãi, không có lỗ lũy kế; ROE \geq 5%; kết quả chấm điểm XHTD đạt từ A trở lên.

Đối với các khách hàng không đủ điều kiện, chi nhánh sẽ từ chối cho vay hoặc hướng theo hình thức cho vay bảo đảm bằng tài sản. Hầu hết KHDN vay ngắn hạn bảo đảm không bằng TS tại chi nhánh đều đáp ứng đủ điều kiện quy định. Chỉ có một vài khách hàng xếp hạng BBB chi nhánh vẫn trình Hội sở chính NH Công Thương Việt Nam cấp lại hạn mức cho vay do đây là các khách hàng truyền thống, có quan hệ lâu năm.

• Quy định giới hạn tỷ lệ cho vay đối với khách hàng/ nhóm khách hàng/ theo ngành hoặc lĩnh vực

Hiện nay tại Vietinbank chỉ có quy định chung về giới hạn cho vay đối với một KH và nhóm KH, không quy định riêng đối với hình thức cho vay bảo đảm không bằng tài sản.

Trong giai đoạn 2013-2015, chi nhánh tuân thủ đúng chỉ đạo của Vietinbank hạn chế cho vay đối với các nhóm ngành như sắt thép, xây dựng. Trong 2 năm 2014, 2015 chi nhánh không cho vay mới bảo đảm không bằng tài sản đối với các KHDN kinh doanh sắt thép, xây dựng, chỉ cấp lại hạn mức đối với các KH lâu năm và có uy tín, tình hình kinh doanh và tiêu thụ tốt.

• Chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng

Vietinbank có 4 bộ chỉ tiêu để chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ cho KHDN, chi nhánh chọn bộ chỉ tiêu “KHDN thông thường” và tick chọn ô “Báo cáo tài chính được kiểm toán” để hệ thống tính toán.

Chấm điểm đối với thông tin phi tài chính: Trong chấm điểm phi tài chính CBTD tại chi nhánh thường lựa chọn các chỉ tiêu để cho ra được điểm phi tài chính cao nhất, từ đó thuận lợi cho chi nhánh trong việc áp dụng các chính sách ưu đãi trong cạnh tranh.

Tần suất chấm điểm: quy định của Vietinbank là 3 tháng/lần đối với KHDN theo thông tin từ BCTC quý do khách hàng cung cấp và chấm điểm đột xuất khi có biến động. Tuy nhiên BCTC quý khách hàng thường cung cấp chậm nên CBTD chi nhánh thường sao chép lại bản chấm điểm cũ theo BCTC năm đã được kiểm toán.

• Công tác thẩm định tín dụng

Theo quy định Vietinbank, CBTD tại phòng khách hàng phân thành 2 bộ phận: bộ phận QHKH và bộ phận thẩm định nhằm đảm bảo tính khách quan. Tại Vietinbank Đà Nẵng mặc dù đã có sự phân chia nhưng trên thực tế CBTD vẫn đang đảm nhận cả 2 công việc này cùng lúc.

Quy trình thẩm định: CBTD thu thập thông tin KH, thẩm định hồ sơ, mục đích vay, phân tích tình hình thị trường, nhóm ngành hoạt động, tình hình tài chính, lịch sử quan hệ tín dụng, thẩm định phương án SXKD...và thể hiện kết quả thẩm định theo biểu mẫu tờ trình riêng dành cho KHDN vay vốn bảo đảm không bằng tài sản.

Nhìn chung, công tác thẩm định trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng TS đối với KHDN được chi nhánh thực hiện tương đối đầy đủ. Các nội dung thẩm định cơ bản đã được thực hiện khá chi tiết. Tuy nhiên việc phân tích phương án SXKD để xác định khả năng trả nợ vẫn còn sơ sài, chủ yếu dựa trên số liệu khách hàng cung cấp mà không xem xét lại tính chính xác và khả thi. Các thông tin để làm căn cứ thẩm định vẫn còn hạn chế.

b. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro

• Tuân thủ mức thẩm quyền phán quyết tín dụng và quy trình cấp tín dụng

Vietinbank phân quyền phán quyết tín dụng theo quyết định 1826/2014/QĐ-HDQT-NHCT9. Mức phán quyết trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng TS đối với KHDN như sau:

Trưởng phòng giao dịch: 1 tỷ đồng, tuy nhiên tại Vietinbank Đà Nẵng các món cho vay doanh nghiệp bảo đảm không bằng TS đều tập trung tại phòng KHDN thuộc phụ trách của Giám đốc chi nhánh.

Giám đốc chi nhánh: tối đa 15 tỷ đồng đối với món cho vay DN đủ điều kiện bảo đảm không bằng tài sản (Xếp hạng tín dụng A trở lên). Các trường hợp còn lại đều phải trình TSC phê duyệt thông qua.

Ngoài ra, Vietinbank không quy định nhưng tại chi nhánh, 100% món cho vay bảo đảm không bằng tài sản đối với DN đều phải thông qua Hội đồng tín dụng chi nhánh trước khi đưa ra quyết định cho vay.

• Kiểm tra giám sát trước, trong và sau khi cho vay

- Kiểm tra trước và trong khi cho vay: thực hiện trước và trong quá trình giải ngân thông qua việc kiểm soát chứng từ giải ngân và quy trình phê duyệt giải ngân. Tại Vietinbank Đà Nẵng hoạt động này được thực hiện chặt chẽ.

- Kiểm tra giám sát sau khi cho vay:

Theo dõi khoản vay: CBTD đã theo dõi khoản vay một cách sát sao, đôn đốc kịp thời khách hàng trong việc trả nợ gốc, lãi vay.

Kiểm tra sử dụng vốn vay: chi nhánh thực hiện theo quyết định 2186/QĐ-TGD-NHCT35 hướng dẫn kiểm tra giám sát tín dụng trong hệ thống Vietinbank. Các DN vay ngắn hạn bảo đảm không bằng TS tại Vietinbank Đà Nẵng chủ yếu vay theo phương thức hạn mức, nhu cầu vốn phát sinh thường xuyên nên theo quy định việc KTSDV được thực hiện tối thiểu 1 lần/tháng. Tuy nhiên việc kiểm tra kiểm soát sau cho vay còn chưa đầy đủ nội dung và thiếu công tác giám sát thực tế.

• Áp dụng và thực thi các điều khoản quy định tại hợp đồng tín dụng trong kiểm soát nguồn trả nợ

Trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, ngân hàng cần kiểm soát được dòng tiền từ PAKD của khách hàng để có cơ sở thu hồi nợ.

Nội dung này được đưa vào điều kiện cấp tín dụng trong hợp đồng tín dụng, cụ thể: Quy định về điều khoản thanh toán trong các hợp đồng kinh tế, quy định chuyển doanh thu tương ứng với tỷ lệ cấp tín dụng. Tuy nhiên tại Vietinbank Đà Nẵng chỉ dừng lại ở việc đưa điều khoản vào hợp đồng tín dụng, chưa có động thái theo dõi và kiểm soát dòng tiền nên khả năng thu hồi nợ chủ yếu dựa vào thiện chí của khách hàng.

• Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Trong năm 2013 và 2014, chi nhánh thực hiện phân loại nợ theo điều 6 quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Từ đầu năm 2015, Vietinbank Đà Nẵng thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng theo tư 02/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Việc phân loại nợ hiện tại dựa trên kết quả xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và tình hình trả nợ thực tế của khách hàng tại thời điểm phân loại, từ đó phân loại nợ khách hàng vào nhóm thích hợp. Nhìn chung việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được chi nhánh thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng theo quy định của NHNN và Vietinbank.

• Sử dụng các biện pháp thương lượng nợ

Trong giai đoạn 2013-2015, chi nhánh đã thực hiện điều chỉnh kỳ hạn nợ cho 4 KHDN vay vốn bảo đảm không bằng tài sản với tổng dư nợ 76,3 tỷ đồng. Do việc kinh doanh gặp khó khăn, vòng quay vốn của KH dài hơn so với lúc NH xác định vòng quay vốn để cho vay, do đó dòng tiền không kịp về để trả nợ. Các đối tượng KH này sau khi điều chỉnh kỳ hạn nợ và KH trả được nợ, chi nhánh yêu cầu KH bổ sung thêm tài sản bảo đảm nợ vay mới tiếp tục cho vay.

• Giảm dần dư nợ

Đối với một số doanh nghiệp phát hiện thấy việc suy giảm khả năng trả nợ, chi nhánh sẽ thỏa thuận với KH về lộ trình rút giảm dư nợ

và lập thành biên bản. Giai đoạn 2013-2015, CN thực hiện rút giảm dư nợ đối với 2 KH sản xuất sắt thép (CPCP Thép D.Y, CTCP thép TBD) và 1 KH thuộc nhóm ngành xây dựng (CT TNHH MTV N.D.V). Công tác rút giảm dư nợ đều thực hiện thành công, nhờ đó tránh được các rủi ro cho chi nhánh.

c. Thực hiện các biện pháp chuyển giao và phân tán rủi ro

- **Yêu cầu mua bảo hiểm tín dụng:** Chi nhánh chưa có quy định yêu cầu KHDN vay vốn bảo đảm không bằng tài sản mua bảo hiểm khi vay vốn. Chỉ một số trường hợp khách hàng kinh doanh các mặt hàng có rủi ro cao bắt buộc phải mua bảo hiểm hàng hóa, chi nhánh mới đồng ý khách hàng mua bảo hiểm để đáp ứng tính pháp lý khi cho vay.

- **Bán nợ:** Trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, do không có TSBĐ cho khoản vay nên công tác xử lý nợ khi RRTD xảy ra là tương đối khó khăn, vì thế việc bán nợ không thực sự phổ biến. Trong giai đoạn 2013-2015, CN không thực hiện được việc bán các khoản nợ bảo đảm không bằng TS mặc dù đã có động thái tìm kiếm và liên hệ các đối tác mua nợ.

- **Sử dụng các công cụ phái sinh và chứng khoán hóa:** Tại Việt Nam thị trường mua bán các công cụ này vẫn chưa được phát triển, do đó tại chi nhánh hầu như không sử dụng biện pháp này.

- **Đa dạng hóa nhằm phân tán rủi ro:** Các doanh nghiệp vay vốn bảo đảm không bằng tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng trong những năm qua tập trung vào một số ít lĩnh vực như dược, dệt may, hóa chất, xăng dầu... Trong cho vay bảo đảm không bằng tài sản, CN chủ trương không thực hiện đa dạng hóa, cho vay tràn lan nhiều lĩnh vực mà chỉ xem xét cho vay các DN thuộc những ngành nghề chi nhánh đánh giá là có triển vọng và có tính ổn định cao.

2.2.3. Kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp tại Vietinbank Đà Nẵng

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Bảng 2.8. Tình hình nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN bảo đảm không bằng tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng giai đoạn 2013-2015

(ĐVT: Triệu đồng)

Tiêu chí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Toàn bộ KH	KHDN Vay vốn bảo đảm không bằng TS	Toàn bộ KH	KHDN Vay vốn bảo đảm không bằng TS	Toàn bộ KH	KHDN Vay vốn bảo đảm không bằng TS
Dư nợ CV	2.234.597	607.415	2.189.274	534.180	3.270.989	595.317
Nợ xấu	42.450	9.232,70	31.482	5.288,4	21.075	3.095,6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,90%	1,52%	1,44%	0,99%	0,64%	0,52%

Tiêu chí	Chênh lệch (2014/2013)		Chênh lệch (2015/2014)	
	Toàn bộ KH	KHDN vay vốn bảo đảm không bằng TS	Toàn bộ KH	KHDN vay vốn bảo đảm không bằng TS
Dư nợ	-45.323	-73.235,00	1.081.715	61.137,0
Nợ xấu	-10.968	-3.944,30	-10.407	-2.192,8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	-0,46%	-0,53%	-0,79%	-0,47%

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank Đà Nẵng)

Nợ xấu của nhóm đối tượng KHDN vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản có xu hướng giảm dần qua các năm và luôn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu trong cho vay của toàn chi nhánh.

Bảng 2.10. Tình hình nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN bảo đảm không bằng tài sản phân theo ngành kinh tế giai đoạn 2013-2015

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	Chênh lệch	
				(14/13)	(15/14)
Nợ xấu	9.232,70	5.288,40	3.095,60	-3.944,30	-2.192,80
Ngành thương mại dịch vụ	1.287,30	602,00	301,60	-685,30	-300,40
Ngành CN hóa chất, dầu khí	0,00	385,00	0,00	385,00	-385,00
Ngành CN dệt may	645,00	0,00	0,00	-645,00	0,00
Sắt thép, xây dựng	6.785,40	3.969,10	2.475,30	-2.816,30	-1.493,80
Các ngành kinh tế khác	515,00	332,30	318,70	-182,70	-13,60
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,52%	0,99%	0,52%	-0,53%	-0,47%
Ngành thương mại dịch vụ	2,89%	1,61%	0,69%	-1,28%	-0,92%
Ngành CN hóa chất, dầu khí	0%	0,59%	0%	0,59%	-0,59%
Ngành CN dệt may	0,50%	0%	0%	-0,50%	0,00%
Sắt thép, xây dựng	5,65%	3,78%	3,09%	-1,87%	-0,69%
Các ngành kinh tế khác	2,76%	1,97%	1,02%	-0,79%	-0,95%

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank Đà Nẵng)

Nợ xấu chủ yếu tập trung ở ngành công nghiệp sắt thép và ngành xây dựng, dẫn đến tỷ lệ nợ xấu ở hai ngành này cũng tương đối cao hơn các ngành khác, vì vậy trong những năm qua chi nhánh cũng thực hiện tối đa công cụ né tránh rủi ro đối với ngành này. Đây cũng là lý do khiến dư nợ trong cho vay KHDN bảo đảm không bằng TS có sự sụt giảm trong năm 2014.

b. Xu hướng biến động cơ cấu nhóm nợ trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN bảo đảm không bằng tài sản

Bảng 2.11. Xu hướng biến động cơ cấu nhóm nợ trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với KHDN giai đoạn 2013-2015

(ĐVT: Triệu đồng)

NHÓM NỢ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Nhóm 1	598.182	98,48%	528.892	99,01%	582.067	97,77%
Nhóm 2	19.186	3,16%	14.197	2,66%	10.154	1,71%
Nhóm 3	4.602	0,76%	3.052	0,57%	2.786	0,47%
Nhóm 4	1.086	0,18%	852	0,16%	309,6	0,05%
Nhóm 5	3.545	0,58%	1.384	0,26%	0	0,00%
Tổng dư nợ	607.415	100,00%	534.180	100,00%	595.317,0	100,00%

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank Đà Nẵng)

Kết quả phân loại nhóm nợ cho thấy tỷ lệ dư nợ nhóm 1 trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đảm bảo không bằng tài sản tại chi nhánh rất cao và có xu hướng tăng dần qua các năm.

Tỷ trọng nợ nhóm 2 cũng có xu hướng giảm dần theo chiều hướng tích cực, các nhóm nợ từ 3-5 cũng giảm dần qua các năm. Năm 2015 chi nhánh không có nợ nhóm 5 đối với đối tượng khách hàng này.

c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng nợ trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN bảo đảm không bằng tài sản

Bảng 2.12. Tình hình trích lập dự phòng nợ trong cho vay ngắn hạn đối với

KHDN bảo đảm không bằng tài sản giai đoạn 2013-2015

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	Chênh lệch	
				(14/13)	(15/14)
Tổng dư nợ	607.415	534.180	595.317	-73.235	61.137
Trích lập dự phòng rủi ro	10.641	7.233	5.685	-3.407	-1.549
Tỷ lệ TLDP (%)	1,75%	1,35%	0,95%	-0,40%	-0,40%

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank Đà Nẵng)

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Việc tuân thủ tốt chính sách cho vay và thẩm quyền phán quyết tín dụng giúp Vietinbank Đà Nẵng sàng lọc, tập trung vào các KHDN trên địa bàn có uy tín cao, năng lực tài chính mạnh.

- Công tác phân tích đánh giá uy tín, tình hình hoạt động và năng lực tài chính của doanh nghiệp vay vốn bảo đảm không bằng tài sản được thực hiện khá đầy đủ và chi tiết.

- Công tác thương lượng nợ, giảm dần dư nợ được thực hiện tốt. Trích lập dự phòng rủi ro đúng và đủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Vietinbank.

- Cơ cấu dư nợ theo khả năng thu được cải thiện: Nợ đủ tiêu chuẩn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp. Chất lượng nợ chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu rất thấp và giảm dần qua các năm.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

• Đối với các biện pháp né tránh rủi ro

- Chưa tách bạch được bộ phận quan hệ khách hàng và bộ phận quan hệ tín dụng. Do đó chưa đảm bảo tính độc lập và khách quan của công tác thẩm định khách hàng.

- Công tác thẩm định phương án vay vốn chưa được chú trọng đúng mức, chưa thực sự tìm hiểu kỹ càng về các bằng chứng thực hiện phương án, khả năng tiêu thụ sản phẩm, chưa phản ánh đúng quy mô và năng lực SXKD của khách hàng để xác định khả năng trả nợ.

- Công tác chấm điểm xếp hạng tín dụng phụ thuộc khá nhiều vào ý kiến chủ quan của CBTD, công tác chấm điểm theo định kỳ chưa thực hiện đúng nội dung quy định nên kết quả XHTD chưa đáp ứng được tính kịp thời, chính xác trong việc phân loại KH vay và quản lý nợ vay.

• Đối với các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro

- Các nội dung về kiểm soát dòng tiền trong hợp đồng tín dụng vẫn chưa được theo dõi chặt chẽ để đảm bảo khả năng thu nợ. Do đó khả năng thu hồi nợ vẫn chủ yếu dựa trên thiện chí trả nợ của khách hàng.

- Công tác kiểm tra giám sát sau khi cho vay vẫn chưa thực sự chặt chẽ, sát sao và thiếu công tác kiểm tra thực tế.

• Đối với các biện pháp phân tán rủi ro và đa dạng hóa

- Việc thực hiện các công cụ chuyển giao và phân tán rủi ro tại chi nhánh còn hạn chế.

b. Nguyên nhân của những hạn chế

• Nguyên nhân từ môi trường

- Thiếu những quy định cụ thể của Pháp luật trong việc minh bạch và cung cấp thông tin của các doanh nghiệp.

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng khiến các ngân hàng nói lỏng các điều kiện trong cho vay và kiểm tra giám sát vốn vay.

• Nhóm nhân tố từ phía khách hàng

- Ý thức hợp tác từ phía các khách hàng vay vốn vẫn còn chưa cao.

• Nguyên nhân từ phía bên trong

- Tổ chức và phân bổ nhân sự chưa thực sự hợp lý.

- Quy trình thủ tục cấp tín dụng còn rườm rà phức tạp, mất khá nhiều thời gian của cán bộ tín dụng nên ít có thời gian cho hoạt động kiểm tra giám sát sau cho vay.

- CBTD chưa ý thức đúng và chưa được đào tạo bài bản trong việc thẩm định phương án kinh doanh cũng như kiểm soát dòng tiền, dẫn đến việc thực hiện có phần thiếu chặt chẽ.

- Hệ thống chấm điểm tín dụng vẫn còn nhiều hạn chế, bộ chỉ tiêu phi tài chính vẫn còn chưa khách quan.

- Nguồn thông tin chưa được tổ chức và cập nhật một cách có hệ thống để hỗ trợ cho công tác thẩm định và kiểm tra kiểm soát.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa công ty bảo hiểm và ngân hàng trong việc khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm.

- Chi nhánh vẫn chưa có biện pháp thiết lập được mối quan hệ hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa khách hàng vay vốn với ngân hàng. Chính điều này đã khiến cho các khách hàng tỏ ra ngại Ngân hàng cũng như thiếu hợp tác trong việc cung cấp các thông tin, báo cáo tài chính, các số liệu trong quá trình ngân hàng thực hiện công tác kiểm tra sử dụng vốn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN BẢO ĐẢM KHÔNG BẰNG TÀI SẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK ĐÀ NẴNG

3.2.1. Các giải pháp né tránh rủi ro

- **Tăng cường vai trò và tính độc lập của công tác thẩm định.**

- *Bố trí nhân sự có kỹ năng và kinh nghiệm làm công tác thẩm định:* phân bổ, sắp xếp lại nhân sự, tuyển dụng thêm các CBTD có kỹ năng và kinh nghiệm bổ sung cho bộ phận thẩm định, từ đó có sự tách bạch giữa công tác quan hệ khách hàng và công tác thẩm định, đảm bảo nâng cao chất lượng và tính khách quan trong khi thẩm định.

- *Chú trọng thẩm định phương án SXKD:* Công tác thẩm định phương án SXKD phải đặc biệt được chú trọng để có cơ sở xác định số tiền cho vay và khả năng thu hồi nợ.

+ Yêu cầu tài liệu chứng minh việc thực hiện PAKD.

+ Tìm hiểu uy tín bên mua hàng, trường hợp cần thiết yêu cầu có bảo lãnh thanh toán.

+ Thiết kế mẫu tờ trình dành riêng cho các nhóm ngành kinh doanh đặc thù.

+ Ban danh mục tài liệu cần thiết cho việc thẩm định.

- **Hoàn thiện công tác chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ**

- Xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin của riêng chi nhánh.
- Tuân thủ nội dung, tần suất chấm điểm và nghiên cứu đề xuất tự động cập nhật thông tin phi tài chính vào hệ thống chấm điểm.

3.2.1. Các giải pháp nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro

- **Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát**

- Kiểm tra trong khi cho vay
- Kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay

Việc kiểm tra sử dụng vốn vay cần thực hiện theo đúng quy định, đi sâu vào kiểm tra cả hồ sơ chứng từ và thực tế hiện trường.

- **Tăng cường kiểm soát dòng tiền từ phương án SXKD của KH.**

- Định kỳ hàng tháng, CBTD in sao kê dòng tiền về tài khoản của khách hàng, so sánh dòng tiền thực tế với dòng tiền kế hoạch.

- Đối với khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng, thuyết phục khách hàng có kế hoạch cụ thể trong việc xác định đầu vào, đầu ra, quy định hợp đồng có điều khoản tiền về tại Ngân hàng nào thì thực hiện vay vốn tại ngân hàng đó.

- Gắn các chương trình ưu đãi lãi suất với điều kiện về dòng tiền.

3.2.3. Biện pháp nhằm chuyển giao và phân tán rủi ro

- **Xây dựng quy định về mua bảo hiểm tín dụng**

- Thống kê lịch sử phát sinh nợ xấu để quy định cụ thể các trường hợp phải mua bảo hiểm.

- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận bảo hiểm tại chi nhánh trong việc bán bảo hiểm.

3.2.4. Các giải pháp bổ sung.

3.3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

3.3.3. Đối với các cơ quan ban ngành có liên quan

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam cũng lớn lên từng ngày. Quy mô của doanh nghiệp tăng lên, phạm vi hoạt động rộng hơn. Muốn tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp bắt buộc phải huy động vốn từ nhiều nguồn, trong đó có vay vốn NH. Tuy nhiên không phải doanh nghiệp nào cũng có tài sản đủ lớn, đủ nhiều để thế chấp, cầm cố cho NH, vì vậy, nhu cầu vay vốn bảo đảm không bằng tài sản đang là một trong những vấn đề khá nhức nhối hiện nay.

Hoạt động cho vay bảo đảm không bằng tài sản ở nước ta trong những năm qua vẫn còn rụt rè và chưa được đẩy mạnh. Song, với định hướng từ Chính phủ và ngân hàng nhà nước, cộng với việc minh bạch thông tin dần được hoàn thiện và sự cạnh tranh từ các NH, trong thời gian tới, cho vay bảo đảm không bằng tài sản đối với KHDN sẽ được thực hiện nhiều hơn.

Tại Vietinbank Đà Nẵng, nợ ngắn hạn của các doanh nghiệp vay vốn bảo đảm không bằng tài sản chiếm tỷ trọng tương đối trong tổng dư nợ. Do đó, việc nâng cao chất lượng tín dụng và kiểm soát rủi ro trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản cũng là một trong những vấn đề rất đáng quan tâm hiện nay.

Với mục tiêu hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với KHDN, luận văn đã trình bày khái niệm và bản chất của công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn bảo đảm không bằng tài sản đối với doanh nghiệp, cùng với việc sử dụng phương pháp luận phân tích trên thực tế công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KH doanh nghiệp bảo đảm không bằng tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác này trong thời gian tới.